

Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ trong tư tưởng Thánh Maximilian Kolbe

Vũ Văn An5/20/2009

Đôi khi ta nghe người ta nói rằng các trước tác thiêng liêng ngày nay không phản ảnh trọn bộ tín lý về Chúa Thánh Thần. Nhiệm vụ của các nhà chuyên môn là phải suy niệm sâu xa hơn về công trình của Chúa Thánh Thần trong lịch sử cứu rỗi và các trước tác thiêng liêng Kitô Giáo phải làm nổi bật hành động ban sự sống của Người. Các trước tác này phải đặc biệt đào sâu mối liên hệ kín nhiệm giữa Chúa Thánh Thần và Đức Trinh Nữ Thành Nadarét, và cho thấy ảnh hưởng của nó đối với Giáo Hội. Càng suy niệm thấu đáo các mầu nhiệm Đức Tin hơn bao nhiêu, lòng đạo đức của ta càng trở nên chủ yếu hơn bấy nhiêu (1).

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã viết như thế trong thông điệp “Tôn Sùng Đức Mẹ” (Cultus Marialis) năm 1974. Điều Đức Thánh Cha có thể đã biết hay không biết là Thánh Maximilian Kolbe (1894-1941) đã dành phần lớn đời sống của ngài để khai triển ra một nền thần học về Đức Mẹ nói lên được mối liên hệ kín nhiệm giữa Thánh Thần Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Thành Nadarét; một nền thần học phong phú trong quán niệm, độc đáo trong phương thức, và góp phần vào lòng đạo đức mang lại nhiều sinh lực hơn cho các chi thể của Nhiệm Thể Chúa Kitô.

Trung thành với Thánh Truyền Công Giáo, Thánh Maximilian Kolbe tin rằng Đức Maria có một vị thế hết sức trội vượt trong kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa; là người cộng tác đầy ý thức vào mọi ơn thánh Chúa ban cho con người. Tuy nhiên, trong khi Thánh Truyền, qua các nhà trước tác như Thánh Louis de Montfort, hay nhấn mạnh tới Chức Làm Mẹ Thiên Chúa của Đức Mẹ, coi như đó là nền tảng giáo huấn của mình, thì Thánh Kolbe lại cho rằng tư cách trung gian phổ quát các ơn thánh của Đức Mẹ chủ yếu liên hệ với và được dẫn khởi từ mối liên hệ thân mật và kín nhiệm với Chúa Thánh Thần.

Vị thánh người Ba Lan này cho rằng mọi ơn thánh cuối cùng đều đến với chúng ta từ Đức Chúa Cha, nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, Con một của Người, và được Chúa Thánh Thần phân phối; và, khi phân phối các ơn thánh ấy, Chúa Thánh Thần luôn hành động trong và qua Đức Mẹ, không phải vì Người bắt buộc phải làm như vậy, nhưng chỉ vì, trong kế hoạch cứu rỗi của mình, Thiên Chúa muốn làm như thế. Và sở dĩ Thiên Chúa muốn làm như thế là vì một lý do: Chúa Giêsu, nguồn mọi ơn thánh, đã đến với chúng ta qua Đức Mẹ nhờ công trình của Chúa Thánh Thần; bởi thế, quả thật mọi ơn thánh đều đến với chúng ta qua Đức Mẹ, nhờ công trình của Chúa Thánh Thần.

Mặt khác, Thánh Kolbe còn nói rằng con đường, qua đó, ơn thánh của Chúa đến với chúng ta, tức từ Đức Chúa Cha, qua Đức Chúa Con và nhờ Đức Chúa Thánh Thần, là nghịch đảo với con đường ta trở lại với Chúa. Con đường ta trở lại với Chúa, tức việc ta yêu thương đáp trả tình yêu và ơn thánh của Người, tiến từ Đức Chúa Thánh Thần (Đấng luôn hành động qua Đức Mẹ), qua Đức Chúa Con và về cùng Đức Chúa Cha (2).

Đối với Thánh Kolbe, vai trò hết sức nổi bật của Đức Mẹ trong sự sắp xếp (ordo) này của Chúa, tức việc ơn thánh và tình yêu từ Chúa đến với con người, và tình yêu từ con người đáp trả lại Thiên Chúa, đặc biệt phát sinh từ việc ngài hợp nhất một cách độc đáo và hết sức thân mật với Chúa Thánh Thần. Thánh nhân cho rằng Chúa Thánh Thần ngự trong linh hồn Đức Mẹ một cách khôn tả đến độ vượt quá và sâu sắc hơn cả sự hợp nhất giữa Chúa Thánh Thần và linh

hồn ta nhờ ơn thánh hóa của Bí Tích Rửa Tội (3).

Để soi sáng phần nào sự kết hợp mật thiết giữa Đức Mẹ và Ngôi Ba Thiên Chúa, Thánh Kolbe đã mô phỏng Thánh Truyền mà gọi Đức Mẹ là ‘người phối ngẫu’ của Chúa Thánh Thần (4). Nhưng ngài cũng cho rằng thuật ngữ này không thoả đáng hoàn toàn, không lột tả trọn vẹn mối liên hệ mật thiết và hết sức huyền nhiệm này. Vì trong hôn nhân, người đàn ông và người đàn bà, nhờ ơn thánh bí tích, được hợp nhất thành “một thân xác”. Nhưng sự kết hợp giữa Đức Mẹ và Chúa Thánh Thần mật thiết hơn nhiều sự kết hợp trong hôn nhân. Đã đành, trong các loài thụ tạo do Chúa dựng nên, sự kết hợp giữa vợ chồng là sự kết hợp mật thiết hơn hết. Nhưng Chúa Thánh Thần sống ngay trong linh hồn Đáng Vô Nhiễm, trong thẳm cung chính con người của ngài (5).

Điều gì đáng kể nhất trong mối liên hệ đặc biệt của Đức Mẹ với Chúa Thánh Thần? Thánh Kolbe cho hay đó chính là việc ngài được vô nhiễm nguyên tội từ lúc tượng thai, một việc sở dĩ có được là nhờ công trình trực tiếp của Chúa Thánh Thần. Nhờ Đức Mẹ được Vô Nhiễm Thai, nên Chúa Cha và Chúa Con muốn rằng Đức Mẹ sẽ kết hợp nên một với Thánh Thần Yêu Thương chung của cả hai ngôi vị, một cách gần gũi và mật thiết đến có thể cho phép Chúa Thánh Thần thực hiện được việc Nhập Thể của Ngôi Lời ngay trong lòng Đức Mẹ, khiến ngài trở nên Mẹ Thiên Chúa; và mặt khác, sự kết hợp này phải cho phép Đức Mẹ trở thành dụng cụ hay máng chuyển qua đó Chúa Thánh Thần sẽ phân phát mọi ơn thánh do Chúa Kitô tạo lập được. Thánh Kolbe nhấn mạnh rằng ý nghĩa chính xác của tước hiệu “Vô Nhiễm Thai” là một mầu nhiệm lớn, quá sâu sắc và huyền nhiệm đến độ không thể nào hiểu thấu.

Cách tiếp cận của Thánh Kolbe, nhất là việc ngài nhấn mạnh tới mối liên hệ giữa ơn Vô Nhiễm Thai của Đức Mẹ với tư cách làm trung gian phổ quát mọi ơn thánh của ngài, đã tìm được sự ủng hộ trong thông điệp *Marialis Cultus* (Tôn Sùng Đức Mẹ) và nhiều trước tác khác của Thánh Truyền. Trong *Marialis Cultus*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI nói rằng cùng với xu hướng Kitô học trong lòng sùng kính đối với Đức Thánh Nữ Trinh, quả là thích hợp nếu ta làm “nổi bật thêm lòng sùng kính này bằng một trong những sự kiện chủ yếu của Đức Tin đó là Ngôi Vị và công trình của Chúa Thánh Thần”. Cùng trong đoạn văn ấy, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI còn cho hay: cả suy tư thần học lẫn phụng vụ đều nhấn mạnh đến việc: sự can thiệp đầy thánh hóa của Chúa Thánh Thần nơi Đức Mẹ là giờ phút tuyệt đỉnh cho hành động của Người trong lịch sử cứu rỗi. Tỉ dụ, một số giáo phụ và nhà văn của Giáo Hội vốn kể sự thánh thiện tinh nguyên của Đức Mẹ là công trình của Chúa Thánh Thần; như thể Đức Mẹ “được Chúa Thánh Thần nhào nặn để trở thành một thứ vật chất mới và một thụ tạo mới”. Trong mối liên hệ đầy mầu nhiệm giữa Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ, các vị này thấy ra một khía cạnh gọi người ta nhớ tới hôn nhân... và các vị gọi Đức Mẹ là “Đền Thờ Chúa Thánh Thần”, một biểu thức muốn nhấn mạnh tới tư cách thánh thiêng của Đức Trinh Nữ, nay đã trở thành nơi ngự thường trực của Thánh Thần Thiên Chúa. Đào sâu hơn nữa học lý về Đáng Phù Trợ, các vị thấy rằng từ Người, giống như từ một suối nguồn, sự viên mãn của ơn thánh (xem Lc 1:28) và sự dư thừa hồng phúc đã tuôn trào ra để trang sức cho Đức Mẹ... Và trên hết, các vị đã chạy đến xin Đức Nữ Trinh cầu bầu ngõ hầu được Chúa Thánh Thần ban cho khả năng có thể ‘phát sinh’ ra Chúa Kitô trong linh hồn mình, như lời Thánh Ildephonsus từng cầu nguyện trong câu kinh bất hủ: “Ôi Nữ Trinh rất thánh, con van xin Mẹ cho con có được Chúa Giêsu nhờ Chúa Thánh Thần, Đáng mà nhờ Người Mẹ đã hạ sinh Chúa Giêsu... Ước chi con yêu mến Chúa Giêsu trong Chúa Thánh Thần, Đáng mà trong Người Mẹ từng thờ lạy Chúa Giêsu là Chúa và ngắm nhìn Người như Con Mẹ” (6).

Trong suốt cuộc sống trưởng thành của mình, Thánh Kolbe luôn cố gắng đào sâu mối liên hệ độc đáo và kín nhiệm của Đức Mẹ với Chúa Thánh Thần. Một cách đặc biệt, ngài coi các lời Đức Mẹ nói với Thánh Bernadette tại Lộ Đức: “Ta là Đấng Vô Nhiễm Thai” có một ý nghĩa mạc khải quan trọng về phương diện này. Ta có thể nói: các lời Đức Mẹ nói với Thánh Bernadette luôn luân quần trong đầu Thánh Kolbe; vì lúc nào ngài cũng cố gắng nắm được tốt hơn mâu nhiệm sâu sắc ẩn sâu bên dưới. Ngài cho hay những lời trên không những cho ta thấy sự kiện Đức Mẹ được tượng thai mà không vương tội, mà còn cho thấy cách thể đặc ân ấy thuộc về ngài nữa. Nó không phải là một điều tùy thể (accident), mà là một điều gì đó thuộc về chính bản tính của ngài. Vì ngài quả tình là Vô Nhiễm Thai bằng người” (7).

Trong trước tác sau cùng, viết vài giờ trước khi bị Quốc Xã bắt giữ vào ngày 17 tháng Hai năm 1941, Thánh Maximilian đạt tới một thông tuệ sâu sắc, không những giúp ta hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa Đức Mẹ và Chúa Thánh Thần mà còn giúp ta hiểu rõ hơn việc Người là Ngôi Vị Thiên Chúa đã tự đòi đòi từ Chúa Cha và Chúa Con ‘mà ra’, cũng như nắm vững hơn vai trò của Đức Mẹ trong việc phân phát mọi ơn thánh của Chúa cho con người trong kế hoạch cứu rỗi của Người.

Trong trước tác này, Thánh Kolbe nói rằng: trong khi Đức Mẹ là một thụ tạo Vô Nhiễm Thai, được dựng nên nhờ tình yêu của Thiên Chúa và nhờ công trình của Chúa Thánh Thần để trở thành một thụ tạo duy nhất được tràn đầy ơn thánh và được chỉ định làm Mẹ Thiên Chúa, thì Chúa Thánh Thần là đấng Vô Nhiễm Thai từ thuở đời đời và không phải là tạo vật, Đấng ‘đã được tượng thai’ bằng tình yêu tự đòi đòi diễn ra giữa Chúa Cha và Chúa Con; một tình yêu hoàn hảo đến độ đã được ngôi vị hóa. Bởi thế, Thánh Kolbe nói rằng Đức Mẹ là Đấng Vô Nhiễm Thai được dựng nên; và ngài được như thế là nhờ công trình trực tiếp của Đấng Vô Nhiễm Thai không phải là thụ tạo. Cả hai sự ‘tượng thai’ này đều là hoa trái tình yêu của Chúa; sự tượng thai đầu là thụ tạo và được thực hiện trong thời gian; sự tượng thai sau không phải là thụ tạo và là từ thuở đời đời. Một cách đầy ý nghĩa, chính ở đây, trong những chữ viết cuối cùng của ngài, Thánh Kolbe đã tặng danh xưng “Đấng Vô Nhiễm Thai Không Được Dựng Nên” (Uncreated Immaculate Conception) cho Chúa Thánh Thần để phân biệt với Đức Mẹ, vốn là “Đấng Vô Nhiễm Thai Được Dựng Nên” (Created Immaculate Conception).

Rõ ràng là, trong các trước tác của mình, Thánh Kolbe đã nắm rất vững nền thần học của Thánh Tôma Tiên Sĩ. Ngài biết rằng ta chỉ có thể đặt tên cho Thiên Chúa bằng các thụ tạo mà thôi; vì Thánh Tôma Aquinô, trong phần đầu cuốn *Summa Theologiae* (Tổng Luận Thần Học), từng nói rằng lời nói là dấu chỉ các ý niệm, và ý niệm là tương hợp (similitude) của sự vật... Hệ luận là ta có thể đặt tên cho sự vật bao lâu ta hiểu rõ chúng. Ta biết Thiên Chúa nhờ các thụ tạo như là nguyên lý của chúng. Bởi thế, theo cách đó, Người có thể được chúng ta đặt tên nhờ các tạo vật, nhưng lẽ dĩ nhiên cái tên chỉ về Người không phát biểu được chính yếu tính thần linh của Người (8).

Thánh Kolbe cũng biết rằng Thánh Tôma không đặt tên riêng cho đấng thứ hai được phát sinh ra (procreation) từ Ba Ngôi Thiên Chúa, vì nơi thụ tạo, việc sinh ra (generation) là nguyên lý thứ nhất của sự thông truyền bản tính (communication of nature), và việc sinh ra chỉ có thể gán cho việc phát sinh ra trí hiểu của Thiên Chúa (Ngôi Lời); chứ không thể áp dụng cho việc phát sinh ra ý chí (Tình Yêu). Bởi thế, việc phát sinh mà không phải là sinh ra, vì không có tên riêng, nên được gọi là “phà hơi” (spiration), tức việc phát sinh ra Thánh Thần (9). Đàng khác, Thánh Tôma còn nói rằng vì việc phát sinh ra Tình Yêu nơi Thiên Chúa không có tên riêng, nên Ngôi Vị phát sinh ra cách đó cũng không có tên riêng (10), mặc dù sau đó, thánh nhân vẫn

dành cho Ngôi Vị này những tên riêng như “Tình Yêu” (11) và “Hồng Ân” (Gift) (12) trong khi nhận rằng làm thế chỉ vì “nghèo nàn trong ngôn từ”.

Trong trước tác sau cùng của mình, Thánh Kolbe viết tiếp rằng: Mọi sự hiện hữu, bên ngoài chính Thiên Chúa, vì từ Thiên Chúa mà ra và luôn luôn tùy thuộc vào Người, nên mang nét hao hao phần nào đó giống như Đấng Dựng Nên mình... bởi vì mọi loài thụ tạo đều là hậu quả của Đệ Nhất Nguyên Nhân.

Đúng là những ngôn từ ta dùng để nói về các thực tại thụ tạo chỉ nói lên sự hoàn hảo của Chúa một cách ngập ngừng, có giới hạn và loại suy (analogical) mà thôi. Chúng chỉ là những tiếng vang ít nhiều từ xa vọng lại nói về các phẩm tính của chính Thiên Chúa, cũng như các thực tại thụ tạo mà chúng đứng thay cho.

Nhưng há “tượng thai” không phải là một luật trừ hay sao? Không; không bao giờ có luật trừ nào cả (13). Đúng trên quan điểm của trường phái Tôma, điều vị thánh người Ba Lan này viết trong trước tác sau cùng của ngài quả là sáng chói. Ngài biết rằng tại Lộ Đức, Đức Mẹ tự định nghĩa ngài là sự Tượng Thai Vô Nhiễm. Mặc dù không hoàn toàn thấu hiểu ý nghĩa thuật ngữ này khi áp dụng vào Đức Mẹ, nhưng ngài hiểu tạm đủ nó muốn nói Đức Mẹ chính là sự Tượng Thai Vô Nhiễm; ta cũng có thể nói: sự Tượng Thai Vô Nhiễm nằm ngay trong “chính bản tính của Đức Mẹ”. Trong các câu chữ sau cùng, sau khi viết rằng Chúa Cha sinh hạ (begets) từ thuở đời đời và Chúa Con được hạ sinh (begotten) từ thuở đời đời, Thánh Kolbe đã áp dụng ý niệm hay cái tên mà Đức Mẹ, trong tư cách thụ tạo, đã dùng để tự định nghĩa về mình, cho Thiên Chúa; nhất là cho Chúa Thánh Thần: Chúa Thánh Thần là ai? Là sự đơm bông tình yêu của Chúa Cha và Chúa Con. Nếu hoa trái của tình yêu thụ tạo là sự tượng thai thụ tạo, thì hoa trái của tình yêu Thiên Chúa, vốn là nguyên mẫu của mọi tình yêu thụ tạo, nhất thiết phải là sự “tượng thai” Thiên Chúa. Bởi thế, Chúa Thánh Thần chính là “sự tượng thai không được dựng nên nhưng có tính đời đời”, là nguyên mẫu của mọi sự tượng thai vốn nhân thừa sự sống suốt tận cùng vũ trụ (14).

Thánh Kolbe nhận định rằng: về phương diện phát sinh của Thiên Chúa, tượng thai có thể có hai nghĩa. Thứ nhất, nó có nghĩa như một hành vi của tri thức qua đó người ta “tượng thai” một ý niệm nghĩa là một khái niệm (concept); và đó là cách Thánh Tôma dùng để mô tả việc Ngôi Lời đã phát sinh ra sao từ Chúa Cha (15). Thứ hai, nó có nghĩa như một hành vi của ý chí, mà Thánh Tôma vốn mô tả như một “thúc đẩy và chuyển dịch hướng về một đối tượng” (16). Thánh Tôma nói rằng “việc phát sinh ra ý chí (tức Tình Yêu trong Chúa Ba Ngôi) được thực hiện... bằng một thúc đẩy và chuyển dịch hướng về một đối tượng”. Như thế, ta có thể nói rằng tình yêu được “tượng thai” giữa hai chủ thể. Đó chính là cách Thánh Kolbe dùng hạn từ ấy để mô tả việc phát sinh ra Tình Yêu nơi Chúa Ba Ngôi. Ngài nói rằng ta có thể đặt tên riêng cho việc phát sinh ấy là sự (hay Đấng) Tượng Thai Vô Nhiễm Không Được Tạo Dựng Nhưng Có Tính Đời Đời”, một cái tên có thể mô tả được hành vi yêu thương (tức hành vi của ý chí) phát sinh từ thuở đời đời giữa Chúa Cha và Chúa Con.

Hơn nữa, tận cùng hay cùng đích của hành vi yêu thương phát sinh từ thuở đời đời giữa Chúa Cha và Chúa Con kia, một tình yêu hoàn hảo vì có tính Thiên Chúa, có thể được ngôi vị hóa. Thánh Kolbe gọi Ngôi Vị ấy, một Ngôi Vị vốn là hoa trái của tình yêu Thiên Chúa, bằng tên riêng là sự Tượng Thai Vô Nhiễm Không Được Dựng Nên Nhưng Có Tính Đời Đời.

Thánh Tôma vốn cho rằng: “Ta chỉ có thể đặt tên cho Thiên Chúa từ các thụ tạo. Vì nơi thụ tạo,

việc hạ sinh là nguyên lý duy nhất của việc thông truyền bản tính, nên việc phát sinh nơi Thiên Chúa không có tên riêng hay tên đặc thù, ngoài chính việc hạ sinh. Bởi thế, việc phát sinh mà không phải là hạ sinh mãi mãi không có tên đặc thù” (17). Nhưng việc Tượng Thai Vô Nhiễm của Đức Mẹ nhận diện không những cách thức ngài được tượng thai (chỉ một hành động); tên ấy còn nhận diện chính con người của ngài nữa. Như Thánh Kolbe từng nói, sự Tượng Thai Vô Nhiễm “không phải là một cái gì tùy thể [accidental]; nó là một cái gì thuộc về chính bản tính của ngài. Vì ngài là chính sự Tượng Thai Vô Nhiễm bằng người”.

Thánh Kolbe chính xác muốn nói gì khi ngài viết rằng sự Tượng Thai Vô Nhiễm “thuộc về chính bản nhiên của ngài” tức Đức Mẹ? Chính thánh nhân, khi xem xét chủ đề này, cũng phải nhìn nhận rằng ta đang giáp mặt với một màu nhiệm khôn tả. Ngay từ năm 1933, ngài từng viết rằng: “Đấng Vô Nhiễm là đấng nào và có nghĩa là gì? Ai có thể hiểu ngài một cách hoàn toàn được?... Mọi người chúng ta có thể hiểu “mẹ” có nghĩa gì; nhưng “Mẹ Thiên Chúa” thì là một điều gì đó mà lý trí của ta cũng như trí khôn hữu hạn của ta không thể nào thực sự nắm bắt được. Cũng thế, chỉ có Thiên Chúa mới thực sự hiểu được “vô nhiễm” nghĩa là gì mà thôi. Cùng lắm, ta chỉ có thể phỏng đoán là “được thụ thai mà không mang tội”; nhưng “Tượng Thai Vô Nhiễm” là một biểu thức có rất nhiều trong các màu nhiệm của Đạo (18). Và trong trước tác cuối cùng vào ngày 17 tháng Hai năm 1941, Thánh Kolbe một lần nữa đặt câu hỏi: “Ôi lạy Đấng Tượng Thai Vô Nhiễm, vậy Mẹ là ai?”.

Có lẽ trước hết, ta nên xem xét điều Thánh Kolbe không đề cập tới trong lời phát biểu của ngài rằng việc Tượng Thai Vô Nhiễm “thuộc về chính bản tính của Đức Mẹ”. Rõ ràng, ngài không nói: Đức Mẹ không có một bản tính nhân loại do việc hạ sinh nhân bản đem lại. Đức Mẹ hoàn toàn là nhân bản. Ngài tiếp nhận bản tính nhân loại của mình từ cha mẹ tự nhiên của ngài qua việc hạ sinh nhân bản. Thiên nhiên, Thánh Kolbe cũng không có ý nói Đức Mẹ có một bản tính “siêu nhân” hay lúc ngài được Tượng Thai Vô Nhiễm, một sự gì đó đã “được thêm vào” cho bản tính nhân loại của ngài. Hiệu quả của việc thêm thắt này khiến ngài trở thành điều gì đó khác với hữu thể nhân bản. Không; trong yếu tính, Đức Mẹ là nhân bản trọn vẹn, giống như chúng ta vậy. Điểm dị biệt giữa Đức Mẹ và mọi thành viên khác trong gia đình nhân loại liên quan tới ơn thánh; nó nằm trong sự kiện này là ngay giây phút đầu tiên ngài được tạo dựng hay tượng thai, vì công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, ngài được ban một ơn thánh hay một đặc ân đặc biệt, ơn mà Đức Chân Phúc Giáo Hoàng Piô IX, trong thông điệp dùng để định nghĩa Tượng Thai Vô Nhiễm, tức thông điệp *Ineffabilis Deus* (Thiên Chúa Khôn Tả), đã cho rằng luôn gìn giữ Đức Mẹ khỏi mọi vết nhơ của Nguyên Tội.

Vị thánh người Ba Lan này chắc chắn biết rõ: ơn thánh vốn xây trên bản nhiên. Nói rằng Tượng Thai Vô Nhiễm có ý nói tới điều gì đó có tính yếu tính nơi Đức Mẹ, như một phần trong chính bản tính nhân loại của ngài, hơn là một ơn thánh đặc thù nào đó, có thể đi ngược lại thông điệp của Đức Piô IX; vì nếu Đức Mẹ, trong chính bản tính, trong chính yếu tính, là sự Tượng Thai Vô Nhiễm, chẳng hóa ra ngài không cần đến bất cứ một ơn thánh đặc thù nào giúp ngài được như thế hay sao. Bởi thế, cần phải giải thích cặn kẽ các ngôn từ của Thánh Kolbe khi quả quyết rằng Tượng Thai Vô Nhiễm vốn thuộc về chính bản tính của Đức Mẹ; hãn thánh nhân sử dụng kiểu nói ấy để chuyên chở ý nghĩa này: sự Tượng Thai Vô Nhiễm là một điều gì đó đã trở thành một phần của Đức Mẹ đến độ ngài có thể dùng nó để định nghĩa về chính mình.

Chính nhờ ơn thánh và đặc ân đặc thù đó, không ban cho bất cứ một hữu thể nhân bản nào khác ngoài Đức Mẹ, nên ngài mới nói được rằng “Ta là Đấng Tượng Thai Vô Nhiễm”. Ơn thánh đặc thù đó, một ơn thánh vốn kết hợp ngài một cách khôn tả với Chúa Thánh Thần và đã giúp ngài

trở thành Mẹ Thiên Chúa, và là người hợp tác một cách tích cực và có ý thức vào mọi ơn thánh Chúa ban cho con người, đã được đồng hóa với chính con người Đức Mẹ một cách mật thiết đến độ ngài thật sự có thể đồng hóa ơn thánh đó với chính bản ngã, chính con người của mình.

Ở đây, có một loại suy có thể giúp ta hiểu điều trên. Chúa Giêsu Kitô có thể nói rất đúng rằng: “Ta là Linh Mục Đời Đời”. Người là Linh Mục Thượng Phẩm Đời Đời do sự kết hợp nhị tính (hypostatic union) qua đó Người, vốn là Ngôi Hai trong Ba Ngôi Thiên Chúa, tự kết hợp với một bản tính nhân loại, và do sự kiện này là Người tự dâng mình vừa như Linh Mục vừa như Cửa Lễ Hy Sinh trên Thánh Giá ở Đồi Canvariô. Không ai khác có thể tự hào như thế được (dù những người được thụ phong vào chức linh mục thừa tác, được chia sẻ chức linh mục của Chúa Kitô, có thể nói rằng “Tôi là một linh mục”). Cũng giống như thế, Đức Mẹ có thể nói rất đúng rằng: “Ta là sự Tượng Thai Vô Nhiễm (được dựng nên)” vì ơn thánh và đặc ân đặc thù này đã không được ban cho bất cứ thụ nào khác ngoài ngài ra. Như thế ngài muốn nhấn với ta: “Ta, và chỉ một mình ta, được gìn giữ khỏi mọi vết nhơ của tội lỗi ngay ở giây phút ta được tượng thai. Chỉ có ta được kết hợp nên một với Chúa Thánh Thần, một cách dấu ấn và mẫu nhiệm mà thôi. Chỉ một mình ta là Mẹ Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời trở thành Xác Thịt. Và chỉ một mình ta hợp tác với hết Trái Tim Vô Nhiễm của ta vào cái chết cứu chuộc của Con Trai ta, và nay đang hợp tác với Chúa Thánh Thần trong việc phân phát mọi ơn thánh do Chúa Giêsu tạo lập được nhờ công nghiệp của Người”.

Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ trong tư tưởng Thánh Maximilian Kolbe (2)

Vũ Văn An5/21/2009

Một cách khác để xem xét ơn thánh đặc thù đã ban cho Đức Mẹ là so sánh nó với ơn thánh bí tích vốn tạo nên dấu ấn không thể tẩy xóa trong linh hồn ta, và do đó tác động tới các sức mạnh của linh hồn ta. Phép Rửa làm chúng ta trở nên con cái Thiên Chúa và giúp ta gia nhập Nước của Người; Phép Truyền Chức làm các ứng viên chia sẻ chức linh mục đời đời của Chúa Kitô, đồng hình đồng dạng các ngài với Chúa Kitô và cho phép các ngài thừa hành ba chức năng tư tế là giảng dạy, thánh hóa và cai quản. Cũng trong cách đó, ơn đặc thù ban cho Đức Mẹ vào lúc ngài được tượng thai làm ngài nên một và đồng hình đồng dạng một cách đặc biệt không sao diễn tả nổi với Chúa Thánh Thần, và ơn thánh đặc thù ấy lên sức mạnh cho ngài hay làm ngài có khả năng phản ảnh ngay trong linh hồn ngài chính thuộc tính có tính yếu tính nhất vốn gán cho Chúa Thánh Thần, đó là sức mạnh thần thánh của tình yêu mang nhiều hoa trái. Chúa Thánh Thần chính là Tình Yêu bằng Ngôi Vị; Tình Yêu vừa tiếp nhận vừa mang nhiều hoa trái. Chúa Thánh Thần hoàn toàn thu nhận tình yêu phát sinh từ thưở đời đời giữa Chúa Cha và Chúa Con, và Người làm cho tình yêu ấy sinh hoa trái bằng cách đổ tràn, đáp trả một cách vô cùng bội hậu tình yêu Người đã tiếp nhận. Sự tiếp nhận của Đức Mẹ được tỏ hiện sau này trong lời “Xin Vâng” đầy ý chí tự do, nhờ đó ngài đã mở trọn con người của ngài cho tình yêu sáng tạo của Chúa Thánh Thần và do đó đã mang lại hoa trái hết sức bội hậu: ngài được trở thành Mẹ Thiên Chúa làm người là Chúa Giêsu Kitô; và trong tư cách hiện thân của Chúa Thánh Thần, ngài dự phần vào việc phân phát mọi ơn thánh do Con của Ngài lập được nhờ công nghiệp của mình.

Một cách chủ yếu, Đức Piô IX đã dạy chân lý trên trong tông hiến *Ineffabilis Deus* khi ngài viết rằng Đức Mẹ “thánh thiện một cách đặc biệt và hết sức trong trắng trong linh hồn và thân xác... là người duy nhất đã trở nên nơi mọi ơn thánh của Chúa Thánh Thần chí thánh cư ngụ” (19). Còn Thánh Kolbe thì phát biểu chân lý cao cả ấy cách rõ ràng trong trước tác của mình

như sau: Chúa Thánh Thần làm cho ngài mang nhiều hoa trái ngay từ giây phút hiện hữu đầu tiên trong đời, mọi giây phút ngài hiện hữu và mãi mãi đời đời. Đấng Tượng Thai Vô Nhiễm đời đời này (tức Chúa Thánh Thần) sản sinh ra (hay đúng hơn: tượng thai?) một cách hết sức vô nhiễm chính sự sống thần linh trong ‘dạ’ linh hồn Đức Mẹ, làm ngài trở thành Tượng Thai Vô Nhiễm, hay Tượng Thai Vô Nhiễm nhân bản. Và dạ đồng trinh của thân xác Đức Mẹ đã được giữ luôn thánh thiêng cho Người; chính ở đó, trong thời gian, Người đã tượng thai sự sống nhân bản của Thiên Chúa làm người (20).

Bây giờ ta có thể nắm vững cách rõ ràng hơn điều Thánh Kolbe muốn nói khi ngài gọi Chúa Thánh Thần là sự Tượng Thai Vô Nhiễm Không Phải Là Thụ Tạo, và gọi Đức Mẹ là sự Tượng Thai Vô Nhiễm Thụ Tạo. Chúa Thánh Thần đã sản sinh hay “tượng thai” cách vô nhiễm trong linh hồn Đức Mẹ, lúc ngài được tượng thai, ơn thánh đặc thù vốn gìn giữ ngài khỏi mọi tì vết của Nguyên Tội; và hơn nữa, qua ơn thánh đặc thù này, Người kết hợp Đức Mẹ với Người một cách khôn tả và thông truyền cho ngài, một thụ tạo, khả năng trở thành “nơi cư ngụ của mọi ơn thánh [của Người]”, như lời Đức Piô từng nói. Ơn thánh đặc thù vốn kết hợp Đức Mẹ một cách mật thiết với Chúa Thánh Thần này giúp ngài có thể phản ảnh ngay trong linh hồn ngài (qua sự hợp tác đầy ý chí tự do của ngài) chính thuộc tính có tính yếu tính nhất của Chúa Thánh Thần, đó là tình yêu mang hoa trái một cách hết sức bội hậu. Nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, ơn thánh đặc thù của tình yêu thần thánh này mang hoa trái lại cho Đức Mẹ, trong lòng dạ ngài, là việc Nhập Thể; và trong việc ngài hợp tác với Chúa Thánh Thần để phân phát mọi ơn thánh do Chúa Kitô tạo lập được nhờ công nghiệp của Người. Như chính Thánh Kolbe từng nói: “Người làm cho Đức Mẹ mang hoa trái, ngay từ giây phút đầu tiên ngài hiện hữu, trong cuộc đời ngài và muôn đời muôn kiếp, thiên thu vạn đại”

Việc Tượng Thai Vô Nhiễm sự sống thần linh và tình yêu mang hoa trái này trong linh hồn Đức Mẹ được thực hiện nhờ hành động yêu thương, một hành động thuộc ý chí mà Thánh Tôma vốn mô tả như một “thúc đẩy và chuyển dịch hướng về một đối tượng”. Như thế, vị thánh người Ba Lan này có khả năng đi từ một tạo vật là Đức Mẹ tới Thiên Chúa Thánh Thần, và gọi cả hai vị là “Tượng Thai Vô Nhiễm”: Hành vi của ý chí hay tình yêu thần linh nơi Chúa Thánh Thần vốn sản sinh hay “tượng thai” ơn thánh đặc thù trong Đức Mẹ nhờ đó Đức Mẹ được tượng thai (sinh hạ) mà không vướng Nguyên Tội và được biến thành hiện thể nhiều hoa trái của Người; và hành vi của ý chí hay tình yêu thần linh phát sinh từ thuở đời đời giữa Chúa Cha và Chúa Con vốn sản sinh hay “tượng thai” sự phát sinh ra Tình Yêu nơi Thiên Chúa Ba Ngôi (mà Thánh Tôma gọi là sự phá hơi tích cực).

Đàng khác, Thánh Kolbe còn viết rằng Chúa Thánh Thần “sản sinh [tượng thai] một cách vô nhiễm chính sự sống thần linh ngay trong thâm cung linh hồn Đức Mẹ, qua đó biến Đức Mẹ thành sự Tượng Thai Vô Nhiễm nhân bản”. Như thế, đối với Thánh Kolbe, sự Tượng Thai Vô Nhiễm (nơi Đức Mẹ) có ý nói tới cả hành vi yêu thương thần thánh của Chúa Thánh Thần, hành vi vốn “tượng thai” ơn thánh đặc thù trong linh hồn Đức Mẹ để kết hợp Đức Mẹ với Người; lẫn chính ơn thánh đặc thù, ơn thánh mà Đức Mẹ đã minh nhiên đồng hóa với chính con người của ngài đến nỗi đã có thể định nghĩa đúng về mình mà cho rằng “Ta là Đấng Vô Nhiễm Thai”. Và vì Chúa Thánh Thần vốn phát sinh, hay được “tượng thai” một cách vô nhiễm, từ tình yêu phát sinh từ thuở đời đời giữa Chúa Cha và Chúa Con, nên ta có thể gọi Người bằng tên riêng là Đấng Vô Nhiễm Thai Không Được Dụng Nên Nhưng Đã Có Từ Đời Đời.

Thánh Maximilian Kolbe dùng chính lời Đức Mẹ nói tại Lộ Đức không với mục đích để khai

triển ra một nền thần học Ba Ngôi về Chúa Thánh Thần. Đây chỉ là một phương tiện nhằm tới một mục đích. Mục đích tối hậu của thánh nhân là để hiểu Đức Mẹ rõ hơn dưới ánh sáng những lời đẹp đẽ Đức Mẹ phán với Thánh Nữ Bernadette, và để cố gắng giải đáp câu hỏi từng khiến thánh nhân cầu nguyện và suy niệm lâu ngày: “Ôi lay Đấng Vô Nhiễm Thai, vậy Mẹ là ai?”.

Các suy niệm của Thánh Kolbe giúp ta hiểu rõ hơn việc Đức Mẹ đứng làm trung gian phổ quát các ơn thánh. Như chính thánh nhân đã khẳng định: “Việc Đức Mẹ làm trung gian là hệ luận từ tín điều Vô Nhiễm Thai của ngài” (21). Ôn thánh đặc thù ban cho Đức Mẹ lúc ngài được tượng thai gìn giữ ngài khỏi mọi vết của Nguyên Tội và kết hợp ngài một cách kín nhiệm với Chúa Thánh Thần, Đấng, theo vị thánh người Ba Lan này, đã làm Đức Mẹ “mang hoa trái từ giây phút hiện hữu đầu tiên, trong suốt đời ngài và mãi mãi thiên thu vạn đại”. Những lời này vang vọng lại lời của Thánh Louis de Montfort, là người từng nói rằng Chúa Thánh Thần “đã quyết định dùng Rất Thánh Đức Mẹ, dù Người tuyệt đối không cần tới Đức Mẹ, ngõ hầu có thể trở nên đấng mang nhiều hoa trái tích cực trong việc sản sinh ra Chúa Giêsu Kitô và các chi thể của Người trong Đức Mẹ và qua Đức Mẹ” (22). Thánh de Montfort cũng là người từng nói rằng cũng một Chúa Thánh Thần ấy đã chọn Đức Mẹ làm “đấng ban phát mọi sự Người có, đến độ Đức Mẹ muốn phân phát các hồng ơn và ơn thánh của Người cho ai, bao nhiêu, cách nào và khi nào tùy thích” (23). Hai vị đại thánh của Đức Mẹ này nhất trí rằng Đức Mẹ là Đấng Trung Gian (Mediatrice) mọi ơn thánh Chúa Kitô tạo lập được nhờ công nghiệp của Người. Hai vị, trong yếu tính, cũng nhất trí về các lý do khiến Đức Mẹ có vị trí đặc biệt trong kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa: Ngài là Mẹ Chúa Giêsu Kitô và là hiền thê hay dụng cụ của Chúa Thánh Thần. Hai vị chỉ khác nhau đôi chút trong nhấn mạnh mà thôi. Thánh de Montfort (và đa số các nhà văn trong Thánh Truyền) thì nhấn mạnh tới chức làm mẹ của Đức Mẹ, trong khi Thánh Kolbe nhấn mạnh tới mối liên hệ thân mật của Đức Mẹ với Chúa Thánh Thần, một liên hệ phát sinh từ việc Tượng Thai Vô Nhiễm của ngài.

Ta có thể thử đưa ra một tổng hợp cho cả hai cách nhấn mạnh trên: ơn thánh và đặc ơn đặc biệt ban cho Đức Mẹ, từng kết hợp ngài một cách khôn tả với Chúa Thánh Thần và có được là do công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, đã được sắp xếp cho mục đích kép sau đây: thứ nhất, Đức Mẹ sẽ là Mẹ Thiên Chúa, và qua ngài, Chúa Giêsu Kitô sẽ đến, Đấng vốn là Suối Nguồn mọi ơn thánh; và thứ hai, Đức Mẹ sẽ là dụng cụ nhân bản sống động của Chúa Thánh Thần qua đó Chúa Thánh Thần sẽ phân phát mọi ơn thánh mà Chúa Kitô đã tạo lập được bằng công nghiệp của Người. Dĩ nhiên, mục đích sau được thực hiện trong và nhờ mục đích trước.

Ta có thể phát biểu chân lý trên một cách khác: Sự Tượng Thai Vô Nhiễm của Đức Thánh Nữ Trinh Maria được sắp xếp hướng về việc Nhập Thể của Thiên Chúa làm người là Chúa Giêsu Kitô thế nào, thì sự kết hợp huyền nhiệm giữa Đức Mẹ và Chúa Thánh Thần, khởi từ lúc ngài được Tượng Thai Vô Nhiễm, cũng tìm được ý nghĩa và mục đích tối hậu như thế khi Chúa Thánh Thần tạo thịt xương cho Ngôi Lời Vĩnh Hằng trong dạ tinh sạch của Đức Mẹ. Nhưng vì Chức Làm Mẹ Thiên Chúa của Đức Mẹ và sự kết hợp huyền nhiệm với Chúa Thánh Thần của ngài, vai trò của Đức Mẹ trong chương trình cứu rỗi của Thiên Chúa không chấm dứt với việc Nhập Thể mà còn đi xa hơn thế, để bao hàm cả việc ngài hợp tác một cách có ý thức và đầy ý chí tự do với Chúa Giêsu và Chúa Thánh Thần trong công trình cứu chuộc và cứu rỗi dưới chân Thánh Giá, trong những ngày ngài còn sống trên dương thế và nay ở trên trời.

Đức Mẹ: Hiền Thê của Chúa Thánh Thần

Trong hai lối giải thích việc Đức Mẹ làm trung gian các ơn (chức làm Mẹ Chúa Kitô hay việc

kết hợp huyền nhiệm với Chúa Thánh Thần), xem ra các suy tư của Thánh Maximilian Kolbe có vẻ có sức thuyết phục hơn. Vì, nếu việc phân phát các ơn thánh do cái chết cứu chuộc của Chúa Kitô đem lại là công trình đặc thù của Ngôi Thứ Ba trong Ba Ngôi Thiên Chúa, thì vai trò làm Đấng Trung Gian mọi ơn thánh của Đức Mẹ phải là hiển nhiên, xét vì tình kết hợp của ngài với Chúa Thánh Thần (thực hiện trong và qua sự Tượng Thai Vô Nhiễm của ngài). Thánh Kolbe tóm tắt điều ấy khi ngài viết: “Trong tư cách Mẹ Chúa Giêsu, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đức Mẹ là Đấng Đồng Công Cứu Chuộc của nhân loại; trong tư cách hiền thê của Chúa Thánh Thần, Đức Mẹ tham dự vào việc phân phát mọi ơn thánh” (24). Như thế, ta có thể thấy rằng việc Thánh Kolbe nhấn mạnh tới mối liên hệ của Đức Mẹ với Chúa Thánh Thần để giải thích việc ngài làm trung gian phổ quát các ơn thánh của Chúa Kitô vừa bổ túc vừa cung cấp một cái hiểu trọn vẹn hơn đối với phương thức của Thánh Truyền Giáo Hội, như đã được Thánh de Montfort và các vị khác đề xướng.

Hiểu đúng đắn vai trò của Đức Mẹ trong việc phân phát mọi ơn thánh, đặc biệt, theo quan điểm mối liên hệ của ngài với Chúa Thánh Thần, sẽ giúp rất nhiều cho cuộc đối thoại đại kết với anh chị em không Công Giáo, liên quan tới giáo huấn của Giáo Hội về Đức Mẹ. Truyền Thống Công Giáo vốn dạy rằng ta đến “với Chúa Giêsu qua Đức Mẹ”. Dù câu đó hoàn toàn đúng, nhưng ta cần phải giải thích nó cách đúng đắn để mọi người hiểu nó cách chính xác.

Thánh Kolbe rất đúng khi nhấn mạnh rằng mọi ơn thánh, xét cho cùng, đều từ Chúa Cha mà có, nhờ công nghiệp của Chúa Kitô, và được Chúa Thánh Thần phân phát. Đáp trả của chúng ta đối với tình yêu và ơn thánh tự ý ban phát của Chúa hệ ở tình yêu; và việc chúng ta trở về với Chúa cũng đi theo cùng một thứ tự ấy, tuy có đảo ngược: Qua Chúa Thánh Thần, ta đến với Chúa Giêsu, và qua Chúa Giêsu ta đến với Chúa Cha. Trong trình tự (Ordo) do Chúa thiết lập, Chúa Giêsu đến với ta và tiếp tục đến với ta qua sự hợp tác đầy ý chí tự do của Rất Thánh Nữ Trinh Maria; đàng khác, khi phân phát ơn thánh của Chúa Kitô, Chúa Thánh Thần sử dụng Đức Mẹ làm “dụng cụ nhân bản sống động” của mình vì các lý do đã trình bày trên đây. Theo nghĩa hướng này, thật là đúng khi nói rằng mọi ơn thánh do Chúa Kitô tạo lập được đều đến với chúng ta qua Đức Mẹ, qua sự giúp đỡ và cầu bầu đầy tình mẫu tử của ngài.

Cũng thế, ta đáp trả tình yêu và ơn thánh của Chúa và đến với Chúa Cha bằng cách đi theo cùng một trình tự thần linh kia: đến với Chúa Giêsu qua Chúa Thánh Thần; và vì, trong kế hoạch của Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần đã chọn hành động qua hiền thê của Người, nên ta đúng là đến với Chúa Giêsu qua Đức Mẹ.

Cho nên, khi người ta (cả Công Giáo lẫn không Công Giáo) phản đối giáo huấn cho rằng ta đến với “Chúa Giêsu qua Đức Mẹ”, xét theo một nghĩa nào đó, lời phản đối của họ có giá trị. Chỉ có điều nó không đúng chỗ. Thực vậy, lời phản đối của họ thường dựa trên ý niệm sai lầm này là giáo huấn trên làm giảm đi sự trung gian của Chúa Kitô. Đứng ra, lời phản đối của họ nên như thế này: câu “[đến] với Chúa Giêsu qua Đức Mẹ” có xu hướng bỏ qua hay làm tối tăm vai trò của Chúa Thánh Thần trong việc phân phát các ơn do Chúa Kitô tạo lập được. Tuy nhiên, trên thực tế, khi đã hiểu rõ sự kết hợp khôn tả giữa Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ, thì cả câu “[đến] với Chúa Giêsu qua Đức Mẹ” lẫn giáo huấn chứa đựng trong câu ấy đều không có vấn đề gì cả. Bởi vì, như Thánh Maximilian Kolbe đã viết, khi ta nói “[đến] với Chúa Giêsu qua Đức Mẹ”, trong yếu tính, ta muốn nói cùng một điều này là “[đến] với Chúa Giêsu qua Chúa Thánh Thần”. Tại sao thế? Vì Chúa Thánh Thần chỉ hành động trong và qua hiền thê yêu quý của mình, một hiền thê được Người kết hợp một cách hết sức mật thiết nhờ sự Tượng Thai Vô Nhiễm của Đức Mẹ. Như Thánh Maximilian đã chính xác nhấn mạnh, Chúa Thánh Thần biểu

lộ sự đóng góp của Người vào công trình Cứu Chuộc qua Nữ Trinh Vô Nhiễm, Đấng, dù là một nhân vật hoàn toàn khác với Người, nhưng đã liên kết với Người một cách mật thiết đến độ trí khôn ta không thể hiểu thấu. Như thế, dù sự kết hợp của hai vị không cùng một bình diện như cuộc kết hợp nhị tính (hypostatic union) từng kết hợp hai bản tính nhân loại và Thiên Chúa nơi Chúa Kitô, ta vẫn có thể nói một cách đúng sự thật là hành động của Đức Mẹ cũng chính là hành động của Chúa Thánh Thần. Vì, trong tư cách hiền thê của Chúa Thánh Thần, Đức Mẹ được nâng lên một cao độ hoàn hảo trên hết mọi thụ tạo đến độ ngài có thể thể hiện trong mọi sự chính ý muốn của Chúa Thánh Thần, Đấng luôn ngự trong Đức Mẹ ngay từ giây phút đầu tiên lúc ngài được tượng thai (25).

Hiểu đúng đắn mối liên hệ của Đức Mẹ với Chúa Giêsu trong kế hoạch cứu chuộc của Thiên Chúa, và mối liên hệ của ngài với Chúa Thánh Thần trong “kế hoạch áp dụng sự cứu chuộc” của Thiên Chúa (nghĩa là trong việc phân phát các ơn thánh do Chúa Kitô tạo lập được) sẽ giúp cả người Công Giáo lẫn người không Công Giáo thấy rằng ta không cần xin Đức Mẹ để đến với Chúa Giêsu, nhưng cần xin qua Đức Mẹ mà đến với Chúa Giêsu, và qua Chúa Giêsu mà đến với Chúa Cha. Và dưới ánh sáng những điều đã nói trên đây về việc Đức Mẹ là “dung cụ nhân bản sống động” của Chúa Thánh Thần, ta hiểu ra rằng khi ta cầu xin qua Đức Mẹ mà đến với Chúa Giêsu thì thực ra ta đang cầu xin qua Chúa Thánh Thần (và Đức Mẹ) mà đến với Chúa Giêsu vậy. Hơn nữa, với cái khung và việc nhân mạnh thần học của Thánh Kolbe đối với mối liên hệ của Đức Mẹ với Chúa Thánh Thần như lý do giải thích việc ngài là Đấng Trung Gian mọi ơn thánh, thì sự cần thiết giả thiết phải đi qua Đức Mẹ đã trở nên rõ ràng rất nhiều: nếu ta biết rằng ơn thánh của Chúa Kitô đến với chúng ta qua Chúa Thánh Thần và ta phải đáp trả ơn thánh của Chúa bằng cách qua Chúa Thánh Thần mà đến với Chúa Giêsu, và nếu ta đồng thời biết rằng Chúa Thánh Thần chỉ hành động trong và qua Đức Mẹ, hiền thê yêu quý của Người, thì ta sẽ nhận ra sự cần thiết giả thiết phải chạy đến với Rất Thánh Nữ Trinh.

Điều ấy khiến ta đặt câu hỏi: Tại sao Thiên Chúa lại hành xử theo lối trên? Thiên Chúa của ta vốn là Thiên Chúa của lý lẽ, và các hành động của Người đều có một nền tảng trong lý lẽ. Vậy tại sao Thiên Chúa lại truyền dạy rằng Chúa Thánh Thần chỉ hành động qua Rất Thánh Nữ Trinh trong việc phân phát mọi ơn thánh? Thánh Kolbe đưa ra lời giải thích như sau: như Chúa Con đã trở nên người phạm ra sao để chứng tỏ cho ta thấy tình yêu của Người vĩ đại như thế nào, Ngôi Ba, Thiên Chúa Tình Yêu (God-who-is-Love), cũng vậy, Người cũng muốn biểu lộ sự trung gian của Người trong tương quan với Chúa Cha và Chúa Con bằng một dấu chỉ cụ thể như thế. Dấu chỉ ấy chính là trái tim của Trinh Nữ Vô Nhiễm, theo điều các thánh vốn nói với ta, nhất là các vị thích coi Đức Mẹ là hiền thê của Chúa Thánh Thần. Đó là kết luận đã được Thánh Louis de Montfort rút ra, phù hợp với lời dạy của Chúa Cha... Kể từ cái chết của Chúa Kitô, Chúa Thánh Thần chỉ hành động trong ta qua Đức Mẹ (26).

Ở đây, Thánh Kolbe cho ta một thông tuệ sâu sắc về việc tại sao Thiên Chúa lại truyền lệnh để Chúa Thánh Thần chỉ hành động qua Rất Thánh Nữ Trinh mà thôi, bằng cách sử dụng loại suy của Nhập Thể trong công trình cứu chuộc. Thiên Chúa rất có thể truyền lệnh để việc cứu chuộc kia xảy ra mà không cần tới việc Con Một của Người phải nhập thể và chết trên Thánh Giá. Nhưng bởi vì mọi nhận thức của ta đều từ giác quan mà có, nên Thiên Chúa có thể mạc khải tốt hơn cho ta Ngôi Thứ Hai trong Ba Ngôi Thiên Chúa và tình yêu nhân hậu của Người đối với ta qua việc Nhập Thể, qua sự kiện “Ngôi Lời trở nên xác thịt và ở giữa chúng ta” (Ga 1:14). Cùng một cách loại suy như thế, Thiên Chúa có thể mạc khải cách tốt hơn cho ta Ngôi Thứ Ba trong Ba Ngôi Thiên Chúa, tức Thiên Chúa Tình Yêu, và mạc khải cho ta thấy Ngôi này phân phát ra sao các ơn thánh do công nghiệp Chúa Kitô tạo lập được, bằng một dấu chỉ cụ thể, khả giác,

tức một hữu thể nhân bản; và hữu thể nhân bản đó chính là Rất Thánh Nữ Trinh Maria.

Dù rất thận trọng khi nhấn mạnh rằng sự kết hợp giữa Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ “không cùng một bình diện như sự kết hợp nhị tính [hypostatic union] từng liên kết hai bản tính nhân loại và thần linh nơi Chúa Kitô”, Thánh Kolbe vẫn đã viết, dưới hình thức công thức, bằng tiếng Latinh như sau: "Filius incarnatus est: Jesus Christus. Spiritus Sanctus quasi incarnatus est: Immaculata." (Chúa Con nhập thể: [chính là] Chúa Giêsu Kitô. Chúa Thánh Thần gần như nhập thể: [chính là] Đấng Vô Nhiễm) (27). Trong cuốn *Immaculate Conception and the Holy Spirit* (Tượng Thai Vô Nhiễm và Chúa Thánh Thần), Cha H. M. Manteau-Bonamy, O.P., đã đưa ra lời bình luận nhiều ý tưởng sau đây về lối dùng thuật ngữ “gần như nhập thể” (quasi incarnatus) của Thánh Kolbe: Những ngôn từ quả táo bạo! Nhưng trước câu Đức Mẹ phán tại Lộ Đức “Ta là sự Tượng Thai Vô Nhiễm”, thì thực ra chả còn gì khác để nói, ngoại trừ ta muốn giả thiết rằng Đức Mẹ chỉ muốn tự tặng cho mình một danh hiệu có tính tượng trưng. Hơn nữa, những ngôn từ táo bạo này vốn là các ngôn từ của một thần học gia lão luyện; ngài sử dụng câu giới hạn cần thiết, "quasi incarnatus", là câu buộc tâm trí tín hữu phải mở cửa đón nhận mâu nhiệm, dù không khuấy động niềm tin. Trước sau như một, ngài vẫn chủ trương rằng chỉ một mình Chúa Con là thực sự thành phạm nhân, chứ không phải Chúa Thánh Thần. Trách vụ của thần học gia không phải là chứng minh điều khôn tả (the ineffable), nhưng là cố gắng phát biểu điều khôn tả ấy ra, nếu có thể được, bằng những ngôn từ có khả năng thúc đẩy tâm hồn tín hữu đi quá điều trí khôn họ có thể hiểu. Chúa Thánh Thần “gần như nhập thể”, một cách đặc biệt nào đó, chứ không thực sự nhập thể theo nghĩa hẹp; vì Đức Mẹ, Đấng Vô Nhiễm, hiểu đúng nghĩa, đã được Chúa Thánh Thần tiếp nhận trọn cả hữu thể, trong tư cách một người đàn bà và một người mẹ (28).

Mặc dù câu Đức Mẹ phán với Thánh Nữ Bernadette ở Lộ Đức, vốn là một mạc khải tư, không có được sức mạnh thuyết phục đối với người không Công Giáo, nhưng các nhận định trên đây của Cha Manteau-Bonamy về ý nghĩa của thuật ngữ “gần như nhập thể” có thể giúp ta hiểu rõ hơn tại sao Thiên Chúa lại truyền lệnh để Chúa Thánh Thần chỉ hành động qua hiện thể của Người là Rất Thánh Nữ Trinh.

Ta còn có thể nói: chân lý sâu sắc này, tức chân lý cho rằng Đức Mẹ là “hình tượng nhân bản sống động” (hay nói theo Thánh Kolbe, là “gần như nhập thể” của Chúa Thánh Thần, đã được mạc khải trong Thánh Kinh, qua chính lời Đức Mẹ nói: “Linh hồn tôi tán dương Chúa” (Lc 1:46). Linh hồn Đức Mẹ khuếch đại hóa (magnificat) Thiên Chúa; nhất là Ngôi Ba Thiên Chúa, vì Đức Mẹ (nói theo Thánh Kolbe) là Tượng Thai Vô Nhiễm được dựng nên, được tạo hình nhờ quyền năng của Tượng Thai Vô Nhiễm Không Được Dựng Nên. Là một thụ tạo, nhờ Đấng Hóa Công, Đức Mẹ là biểu thức hoàn hảo nhất của tình yêu thụ tạo đầy hoa trái, được Người chỉ định phản ánh hay họa ảnh lại Ngôi Vị Thiên Chúa vốn là Tình Yêu Không Được Dựng Nên, là Hoa Trái của tình yêu phát sinh từ thuở đời đời giữa Chúa Cha và Chúa Con.

Chú Thích

1. Đức GH Phao lô VI, *Marialis Cultus* (Tông Huấn về Thứ Bậc và Việc Phát Triển Đúng Lòng Tôn Sùng Rất Thánh Nữ Trinh Maria) (Tháng Hai, năm 1974) số 27.
2. Cha H. M. Manteau-Bonamy, O.P., *Immaculate Conception and the Holy Spirit* (Kenosha, Wisc.: Prow Books/Franciscan Marytown Press, 1977), 3-5, từ cuốn *Final Sketch* của Thánh Maximilian Kolbe, ngày 17 tháng Hai, năm 1941. Sách này đã được nhà Ignatius Press mới tái

bản gần đây.

3. Sách đã dẫn., 52, từ *Conference* của Thánh Kolbe, 9 tháng Tư, 1938.

4. Trong *Marialis Cultus*, số 26, Đức Phaolô VI viết: “Các giáo phụ và văn sĩ của Giáo Hội... khi khảo sát sâu xa hơn mầu nhiệm Nhập Thể, đã thấy trong mối liên hệ đầy mầu nhiệm giữa Chúa Thánh Thần và Đức Mẹ có một khía cạnh khiến người ta nhớ tới hôn nhân, được Prudentius thơ mộng mô tả như sau: ‘Trinh Nữ chưa kết hôn đã được Chúa Thánh Thần kết hôn’”

5. Manteau-Bonamy, 57, trích từ *Final Sketch* của Thánh Kolbe.

6. *Marialis Cultus*, số. 25.

7. Manteau-Bonamy, 7, trích từ *Letter by Kolbe from Nagasaki to the Youth of the Franciscan Order* (Thư Cha Kolbe từ Nagasaki gửi Giới Trẻ Dòng Phanxicô), 28 tháng Hai, 1933.

8. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, I, q. 13, a. 1

9. *Sách đã dẫn*, q. 27, a. 4, ad. 6.

10. *Sách đã dẫn*, q. 36, a. 1.

11. *Sách đã dẫn*, q. 37, a. 1.

12. *Sách đã dẫn*, q. 38, a. 2.

13. Manteau-Bonamy, 2-3, trích từ *Final Sketch* của Thánh Kolbe.

14. *Sách đã dẫn*, 3, trích từ *Final Sketch* của Thánh Kolbe.

15. *Summa Theologiae*, I, q. 27, a. 1 and a. 3.

16. *Sách đã dẫn*, q. 27, a. 4.

17. *Đã dẫn*

18. Manteau-Bonamy, 6, trích từ *Letter to Fr. Anthony Vivoda* (Thư gửi Cha Anthony Vivoda) của cha Kolbe, ngày 4 tháng Tư, 1933.

19. Đức Piô IX, *Ineffabilis Deus* (Tông hiến định nghĩa Tín Điều Vô Nhiễm Thai) (8 tháng Mười Hai, 1854) (Boston: Daughters of St. Paul), 17.

20. Manteau-Bonamy, 4, trích từ *Final Sketch* của Thánh Kolbe.

21. Sách đã dẫn, 90, trích từ *Miles Immaculatae*, I, của Thánh Kolbe, 1938.

22. de Montfort, *True Devotion* (Lòng Sùng Kính Chân Thật), số 21, 8.

23. *Sách đã dẫn*, số 25, 9.

24. Bonamy, 97, trích từ *Sketch* của Thánh Kolbe, 1940.

25. *Sách đã dẫn*, 91, trích từ *Miles Immaculatae*, I, của Thánh Kolbe, 1938.

26. *Sách đã dẫn*, 90-91.

27. *Sách đã dẫn*, 63, trích Thánh Kolbe.

28. *Sách đã dẫn*, 63-64.

Theo Dwight P. Campbell, 1993 Catholic Polls, Inc.